

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 61/2018/DS-PT
Ngày: 23 - 7 - 2018
V/v tranh chấp đòi lại tài sản
là quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Tiến

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Phương
Ông Nguyễn Đức Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huệ – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Ông Võ Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2017/TLPT-DS ngày 23 tháng 10 năm 2017, về việc: “*Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 40/2017/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 76/2017/QĐ-PT ngày 12 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Anh Q, sinh năm 1978

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Anh Q: Bà Nguyễn Thị Như L, sinh năm 1945; (Được ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 09/11/2015);

Cùng cư trú tại xóm M, thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trương Quang T, trưởng văn phòng Luật sư Quang T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Ông Phạm B, sinh năm 1954; cư trú tại đội 4, thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Huỳnh Ngọc A, Luật sư Văn phòng Luật sư Quốc A, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956;
2. Anh Phạm Q, sinh năm 1985;
3. Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1994.

Cùng cư trú tại xóm 4, thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, anh Q, chị Th: Ông Phạm B (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 02/3/2016)

4. Bà Nguyễn Thị Như L, sinh năm 1945; cư trú tại xóm M, thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Bùi Xuân L, sinh năm 1943;
2. Ông Tạ Văn K, sinh năm 1948;
3. Ông Phạm Quốc D, sinh năm 1958;
4. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1954;
5. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1950;
6. Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1962;
7. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1940.

Cùng cư trú tại xóm 4, thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Phạm Anh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 10 năm 2015, bản tự khai ngày 09 tháng 11 năm 2015 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như L trình bày:

Nguyên thửa đất số 1174, tờ bản đồ số 26, diện tích 1.060m² tại thôn T, xã T, huyện S có nguồn gốc là của ông bà để lại cho bà, năm 2004 bà và ông Nguyễn Thanh S đổi đất, ngày 16/01/2006 bà được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 1174, tờ bản đồ số 26 xã T, diện tích 1.060m², ngày 25/3/2008 bà xin tách thửa 1174 thành 3 thửa: Thửa 1174, diện tích 590m², bà đã làm thủ tục cho con trai là ông Phạm Anh Q vào ngày 02/6/2008; Thửa 1379, diện tích 230m², bà chuyển nhượng cho ông Tạ Phi H vào ngày 02/6/2008; Thửa 1380, diện tích 240m², bà đã chuyển nhượng cho ông Bùi Đức N.

Trong thời gian ông Q đi làm ăn xa, ông B là người có đất liền kề đã xây dựng tường rào lấn qua đất của ông Q mặt tiền phía trước là 0,3m, phía sau ông B lấn 1m cho đến hết đất, ông Q đã nhiều lần yêu cầu ông B tháo dỡ tường rào trả lại

diện tích đất là 50m² nhưng ông B không chấp nhận. Nay, ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm B tháo dỡ tường rào trả lại cho ông Phạm Anh Q 50m² quyền sử dụng đất tại xóm 4, thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Tại bản tự khai ngày 03 tháng 12 năm 2015, đơn trình bày ngày 27 tháng 4 năm 2016 và tại phiên tòa, bị đơn và là người đại diện theo ủy quyền của bà Th, bà T, ông Q, ông Phạm B trình bày:

Nguyên thửa đất số 1114, tờ bản đồ số 26, diện tích 360m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ gia đình ông, diện tích đo thực tế là 440m², có nguồn gốc ông mua lại của ông Nguyễn N (đã chết), sau đó vào năm 1998 ông mua thêm của bà Nguyễn Thị Như L mẹ ông Q và mua của ông Nguyễn Thanh S (em ruột bà L) 02 mét đất chiều ngang, chiều dài từ phía Nam giáp đường liên xóm ra phía Bắc giáp gò mả, phía Đông giáp đất bà Nguyễn Thị Như L, ông Nguyễn Thanh S, phía Tây giáp với đất của ông. Sau khi đo đạc được sự chứng kiến của các bên công nhận ông đã phá rào cây xanh làm lại hàng rào mới, vì lý do ông tàn tật, sổ đỏ của ông S và của bà L đều thế chấp Ngân hàng nên ông chưa điều chỉnh lại sổ đỏ. Vào năm 2005, ông xây dựng tường rào và kéo lưới B40 thì con bà L đến tranh chấp, nhưng sau đó bà L đến nói ông làm đúng ranh giới, nên ông tiếp tục xây tường rào. Năm 2015, ông sửa lại nhà và nâng cấp tường rào cao hơn, nhưng ranh giới tường rào giáp với đất của ông Q vẫn là tường rào đã xây từ năm 2005. Ông xác định, khi ông nâng cấp tường rào, ông không lấn chiếm đất của ông Q. Khi ông làm nhà, ông Q vẫn thường đến thửa đất của mình nhưng không có ý kiến gì. Nay, ông Q yêu cầu ông trả lại 50m² quyền sử dụng đất thì ông không chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Như L: Thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của ông Q.

Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2017/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi đã xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Anh Q về việc yêu cầu ông Phạm B tháo dỡ tường rào trả lại diện tích 50m² quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1174, tờ bản đồ số 26 xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo đạc, định giá tài sản, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/9/2017, ông Phạm Anh Q có Đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử buộc ông Phạm B phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm của ông là 50m².

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến tranh luận:

Nguồn gốc thửa đất 1174 diện tích 1.060 m² của bà Nguyễn Thị Như L là của vợ chồng ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị T. Ngày 28/12/1985 ông T, bà T làm giấy tờ chia vườn, đến ngày 01/10/1987 ông T, bà T làm giấy bán đoạn mãi cho bà L 620m² (31m × 20m). Quá trình sử dụng, bà L đã đổi đất với ông Nguyễn Thanh

S, mua thêm đất của ông S, đến ngày 10/01/2006 bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 1174, tờ bản đồ số 26, diện tích 1.060m². Năm 2008, bà làm đơn xin tách thửa gồm thửa 1379, diện tích 230m² bà bán cho ông Bùi Đức N; thửa 1380, diện tích 240m² bà bán cho ông Tạ Phi H, còn lại 590m² bà tặng cho ông Q, căn cứ trích đo thửa đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cạnh phía Nam thửa 1174 giáp đường đi liên xã là 5m, nhưng nay đo đạc lại thì cạnh phía Nam là 4,7m, thiếu 0,3m, diện tích chỉ còn 412m², thiếu 178m², trong khi đó diện tích đất của ông B tăng. Do đó, có căn cứ ông B đã lấn đất của ông Q là 50m², đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Phạm B tháo dỡ hàng rào và công trình xây dựng, trả lại cho ông Q 50m² đất.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày ý kiến tranh luận:

Ông Phạm B nhận chuyển nhượng đất của ông Nguyễn N (đã chết), khi chuyển nhượng có giấy tờ nhưng đến nay đã thất lạc, ông sử dụng luôn phần ruộng nước của ông Nguyễn N, sau đó được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1998 đối với thửa đất 1114, tờ bản đồ số 26, diện tích 360m², theo bản đồ đo vẽ năm 1999 thì cạnh phía Nam giáp đường đi liên xã có độ dài là 6,75m, cũng năm 1998 sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông mua tiếp của bà L và ông S bề ngang 2m đất, bề sâu hết phần đất ra phía sau (về phía Bắc) nhưng ông chưa bổ sung vào giấy chứng nhận vì giấy chứng nhận của bà L, ông S đang thế chấp ngân hàng. Năm 2005 ông B xây tường rào phía Đông kéo lưới B40, con bà L ra tranh chấp nhưng bà L nói ông B làm đúng ranh giới. Đến năm 2015, ông B dỡ lưới B40 hàng rào phía trước để xây tiếp lên thì bà L, ông Q ra tranh chấp. Ông B xây dựng ranh giới đúng phần đất của ông, ông không lấn chiếm đất của ông Q. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với người tham gia tố tụng từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Năm 2008, bà L hợp đồng tặng cho ông Q thửa đất 1174 diện tích 590m². Hiện nay, đo đạc các cạnh đã bị giảm, diện tích chỉ còn 412m² (thiếu 178m²). Diện tích thửa đất 1114 của ông Phạm B tăng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc tăng thêm diện tích thì ông B khai rằng ông nhận chuyển nhượng 2m của bà L và ông S, bà L khai chỉ bán cho ông B 1m. Xét việc chuyển nhượng đất của bà L, ông S cho ông Phạm B là có thật, bà L, ông S không chứng minh chỉ chuyển nhượng 1m đất cho ông B, đất của ông Phạm Anh Q thiếu ở tất cả các cạnh nhưng ông Q không chứng minh được ai lấn đất của ông, việc đo đạc khi tách thửa năm 1998 có chính xác hay không. Năm 2005, ông B xây dựng tường rào nhưng bà L không tranh chấp, năm 2008 bà L tặng cho ông Q bà cũng không có ý

kiến gì. Như vậy, không có căn cứ ông B xây dựng tường rào đã lấn đất của ông Q. Tuy nhiên, tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh thì trên bức tường rào phía trước (xây thêm gạch trên tường cũ) có phần mái tôn nhô ra theo bức tường có chiều dài 24,22m. Phần mái tôn nhô ra này đã lấn phần không gian phía trên thuộc phần đất 1174 của ông Q, nên buộc ông B phải tháo dỡ phần mái tôn nhô ra có chiều dài 24,22m để trả lại phần đất không gian phía dưới cho ông Q. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm như nhận định trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguồn gốc thửa đất số 1174, tờ bản đồ số 26, diện tích 1.060m² tại thôn T, xã T, huyện S là của ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị T để lại cho bà L, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/01/2006. Ngày 25/3/2008 bà L làm hồ sơ tách thửa 1174 thành 3 thửa: Thửa 1174, diện tích 590m², bà làm thủ tục tặng cho ông Phạm Anh Q vào ngày 02/6/2008; Thửa 1379, diện tích 230m², bà chuyển nhượng cho ông Tạ Phi H; Thửa 1380, diện tích 240m², bà đã chuyển nhượng cho ông Bùi Đức N. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa 1174 có diện tích 590m², theo kết quả đo đạc thực tế hiện nay thì diện tích là 412m², giảm 178m², cụ thể giảm ở các cạnh: Cạnh phía Bắc giáp đất gò mả dài 13,13m, thiếu 4,7m; Cạnh phía Nam giáp đường đi dài 4,7m, thiếu 0,3m; Cạnh phía Nam giáp phía Bắc đất ông Bùi Đức N, ông Tạ Phi H dài 11,46m, thiếu 0,04m; Cạnh phía Tây giáp đất ông B dài 56m, không thiếu; Cạnh phía Đông giáp đất ông K dài 17,74m, thiếu 3,26m; Cạnh phía Đông giáp đất bà L chuyển nhượng cho ông N dài 39,01m, thiếu 0,99m. Ông Q cho rằng ông B đã lấn chiếm một phần đất cạnh phía Tây của thửa đất 1174 có chiều ngang phía Nam là 0,3m, phía Bắc là 1m cho đến hết đất, tổng diện tích lấn chiếm là 50m², ông khai năm 2008, khi mẹ ông (bà L) tặng cho ông thửa đất 1174 thì phía Nam giáp đường đi đo đạc có chiều dài 5m, đến nay đo đạc chỉ còn 4,7m, còn diện tích thửa đất 1114 của ông B đo đạc thực tế hiện nay tăng lên so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông B được cấp năm 1998. Ông B khai sau khi ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1998, thì cũng năm 1998 ông nhận chuyển nhượng thêm của bà L và ông Nguyễn Thanh S 02m đất chiều ngang, do ông S và bà L đang thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Ngân hàng, nên ông chưa làm lại sổ đỏ (ông biết bà L, ông S thế chấp vì lúc đó ông đang làm ở Tổ vay vốn), đồng thời ông sử dụng luôn nương nước của ông Nguyễn N nên diện tích thực tế của thửa đất số 1114 tăng so với diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà L khai chỉ chuyển nhượng cho ông B 1m chiều ngang, không thừa nhận chuyển nhượng cho ông B 02m.

[2] Việc ông B, bà L và ông S trình bày về việc chuyển nhượng đất đều không có tài liệu, chứng cứ chứng minh, đối với ông S thì các lời khai ban đầu ông S thừa nhận ông và bà L chuyển nhượng cho ông B 2m vào năm 1998, nhưng các lời khai sau ông thay đổi lời khai, ông khai ông chỉ bán cho ông B 1m, ông S là một người có đầy đủ năng lực hành vi, nhưng lời khai của ông không thống nhất.

Lời khai của các nhân chứng ông Tạ Văn K, ông Bùi Xuân L trình bày năm 1998 các ông có nghe bà L, ông S chuyển nhượng cho ông B 2m đất, do đó có căn cứ vào năm 1998, sau khi ông B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông đã nhận chuyển nhượng thêm 02m của bà L, ông S. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L thừa nhận ông B xây tường rào năm 2005, thời điểm ông B xây tường rào thì con bà ra tranh chấp, nhưng bà nói ông B làm đúng ranh giới nên ông B tiếp tục xây, tường rào này giữ nguyên cho đến năm 2008 bà L tách thửa đất số 1174 thành 3 thửa, trong đó có thửa 1174 tặng cho ông Q giáp với thửa 1114 của ông B. Năm 2015, ông B xây nhà và nâng cấp tường rào phía trước, tháo bỏ phần rào lưới B40 thay bằng xây gạch trên phần tường cũ, phần tường rào phía sau vẫn giữ nguyên, nên ranh giới hiện nay so với năm 2005 không thay đổi. Qua xác minh, việc xây tường rào của ông B chỉ thực hiện 2 lần, lần thứ nhất năm 2005, lần thứ 2 là 2015.

[3] Trong hồ sơ tách thửa 1174 diện tích 1.060m² của bà L thành 03 thửa: Thửa 1174, diện tích 590m² (tặng cho Q); Thửa 1379 diện tích 230m²; Thửa 1380 diện tích 240m² theo các *Trích lục bản đồ địa chính khu đất* có số đo của các cạnh. Tuy nhiên, không có biên bản xác định thời điểm (ngày, giờ) đo, những ai thực hiện đo, đo bằng phương pháp gì, do đó không có cơ sở khẳng định các số đo trên là chính xác, đến nay khi tranh chấp đo lại thì tất cả các cạnh của thửa đất 1174 đều thiếu, ông Q không có căn cứ các chủ đất liền kề lần đất của ông, cạnh phía Đông theo *Trích lục bản đồ địa chính khu đất* là 21m, hiện nay đo lại là 17,74m thiếu 3,26m, thực tế phía Bắc giáp đất gò mả không ai quản lý, phía Nam là ông N quản lý nhưng ông Q không có căn cứ ông N lần đất của ông. Mặt khác, con đường bê tông phía Nam theo *Trích lục bản đồ địa chính khu đất* được vẽ là một đường thẳng vuông góc với trục Bắc – Nam. Tuy nhiên, đối chiếu con đường này qua bản đồ các thời kỳ thì con đường phía Nam tại vị trí này xiên theo hướng Bắc – Nam tạo thành một góc nhọn với trục Bắc – Nam, do đó nếu vẽ cạnh phía Nam vuông góc sẽ ngắn hơn vẽ xiên về hướng Nam.

[4] Ông Q không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc thiếu đất cạnh phía Nam thửa đất số 1174 là do ông B lấn chiếm, lấn chiếm vào thời điểm nào. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông về việc yêu cầu ông B tháo dỡ tường rào để trả lại diện tích 50m² thuộc thửa đất số 1174, tờ bản đồ số 26 xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi là không có căn cứ. Tuy nhiên, tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh thì phần tường rào phía trước ông B xây thêm năm 2015 có mái tôn nhô ra chiều dài theo bức tường là 24,22m, phần mái tôn nhô ra này đã chiếm không gian phía trên thuộc phần đất của ông Q. Do đó, chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Q, sửa bản án sơ thẩm, buộc ông B phải tháo dỡ phần mái tôn nhô ra lấn phần không gian thuộc phần đất của ông Q để trả lại phần đất phía dưới cho ông Q.

[5] Do sửa bản án dân sự sơ thẩm, nên ông Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Phát biểu của luật sư bên nguyên đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Phát biểu của luật sư bên bị đơn phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận một phần.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 160, khoản 2 Điều 164, Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Anh Q.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 40/2017/DS-ST ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

1. Buộc vợ chồng ông Phạm B phải tháo dỡ phần mái tôn nhô ra phần bức tường phía trước có chiều dài theo bức tường là 24,22m để trả lại phần đất phía dưới cho ông Phạm Anh Q.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Anh Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả 300.000 đồng cho ông Q tại biên lai số 0000668 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Minh Tiến